

BẢNG CÂU HỎI VỀ CHỨNG NHẬN THU NHẬP CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN / NGƯỜI THUÊ NHÀ

(*Lưu ý: Mỗi thành viên trưởng thành trong hộ gia đình PHẢI hoàn thành một bảng câu hỏi riêng)

TÊN: _____

Số căn hộ: _____

Tên bất động sản: _____

☐ Chứng nhận ban đầu ☐ Chứng nhận lại ☐ Thêm thành viên hộ gia đình

HỖ TRỢ THUÊ NHÀ

	CÓ	KHÔNG		THU NHẬP GỘP HÀNG THÁNG
1.	☐	☐	Tôi nhận được tiền hỗ trợ thuê nhà theo Phiếu lựa chọn nhà ở Mục 8. Nếu có, hãy liệt kê cơ quan quản lý nhà ở bên dưới Tên của cơ quan quản lý nhà ở: _____	Lưu ý: Đây không được tính là thu nhập hộ gia đình.
2.	☐	☐	Tôi nhận được một hình thức hỗ trợ thuê nhà khác của liên bang hoặc tiểu bang (không phải Mục 8). Nếu có, hãy liệt kê cơ quan quản lý nhà ở hoặc tổ chức cấp tiền hỗ trợ thuê nhà bên dưới. Tên chương trình _____ Tổ chức cấp hỗ trợ tiền thuê nhà _____	Lưu ý: Đây không được tính là thu nhập hộ gia đình.

THÔNG TIN THU NHẬP

Nêu tất cả các nguồn thu nhập, bao gồm cả thu nhập phi tiền lương của trẻ vị thành niên.

	CÓ	KHÔNG		THU NHẬP GỘP HÀNG THÁNG
3.	☐	☐	Tôi tự kinh doanh. (Liệt kê bản chất của việc tự kinh doanh). Bao gồm nhưng không giới hạn ở: Nhà thầu 1099, công ty kinh doanh dịch vụ đi xe chung (ví dụ: Uber, Lyft), dịch vụ giao hàng công nghệ (ví dụ: DoorDash, Grubhub, Shipt, v.v.), các công việc kinh tế gig khác, công ty tiếp thị đa cấp (ví dụ: Mary Kay, Total Life Changes, Avon, v.v.), thu nhập từ mạng xã hội (ví dụ: YouTube, TikTok, v.v.), v.v. Loại danh sách: 1) _____ 2) _____	(Sử dụng thu nhập <u>ròng</u> từ kinh doanh) \$ _____ \$ _____
4.	☐	☐	Tôi có việc làm và nhận được các loại tiền lương sau. Bao gồm thu nhập kiếm được khi làm lao động thời vụ hoặc người làm công nhật. Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp: ☐ Tiền lương ☐ Lương ☐ Tiền làm thêm giờ ☐ Tiền hoa hồng ☐ Tiền bo (Đã báo cáo) ☐ Tiền bo bằng tiền mặt (không báo cáo hoặc tiết lộ) ☐ Tiền thưởng ☐ Các khoản lương thưởng khác Liệt kê các doanh nghiệp và/hoặc công ty trả tiền cho quý vị: <u>Tên của Nhà tuyển dụng</u> 1) _____ 2) _____	 \$ _____ \$ _____

	YES	NO		MONTHLY GROSS INCOME
5.	☐	☐	I receive recurring cash contributions or gifts from persons not living with me, including but not limited to payments for rent, utilities, cell phone, transportation, etc. *Do not count birthday or holiday gifts or nonmonetary items received from a food bank or similar organization. <u>Name of Person Providing Contribution</u> 1) _____ 2) _____	\$ _____ \$ _____
6.	☐	☐	I receive unemployment benefits. My last day of employment: _____	\$ _____
7.	☐	☐	I receive Veteran's Administration, GI Bill, National Guard/Military benefits/income.	\$ _____
8.	☐	☐	I receive Social Security, Supplemental Social Security Income (SSI), or Social Security Disability Insurance (SSDI) payments.	\$ _____
9.	☐	☐	The household receives <u>unearned</u> income from family members aged 17 or under (example: Social Security, Trust Fund disbursements, etc.).	\$ _____
10.	☐	☐	I receive disability or death benefits other than Social Security.	\$ _____
11.	☐	☐	I receive periodic payments from lottery winnings.	\$ _____
12.	☐	☐	I receive Public Assistance Income (examples: TANF). DO NOT INCLUDE FOOD STAMPS	\$ _____
13.	☐	☐	I receive child support payments through court order or other agreement. If yes, from how many persons do you receive support? __	(amount received) \$ _____
14.	☐	☐	I receive alimony/spousal maintenance payments.	(amount received) \$ _____
15.	☐	☐	I receive periodic payments from trusts, annuities, inheritance, retirement funds or pensions, insurance policies, or similar periodic payments or disbursements. If yes, list sources: 1) _____ 2) _____	\$ _____ \$ _____
16.	☐	☐	I receive income from real or personal property.	\$ _____ (Use <u>net</u> earned income)
17.	☐	☐	I receive student financial assistance (Federal Pell Grants, Teach Grants, Federal Perkins Loan, or other grants scholarships, etc.	\$ _____ (amount received)
18.	☐	☐	I am claiming zero income and will be required to complete a separate Income Status Certification form.	

	CÓ	KHÔNG		THU NHẬP GỘP HÀNG THÁNG
5.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản đóng góp bằng tiền mặt định kỳ hoặc quà tặng từ những người không sống cùng tôi, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản thanh toán cho tiền thuê nhà, hóa đơn sinh hoạt, điện thoại di động, phương tiện đi lại, v.v. *Không tính quà tặng sinh nhật hoặc ngày lễ hoặc các mục hàng không phải tiền tệ nhận được từ ngân hàng thực phẩm hoặc tổ chức tương tự. <u>Tên của Người đóng góp</u> 1) _____ 2) _____	\$ _____ \$ _____
6.	☐	☐	Tôi nhận được trợ cấp thất nghiệp. Ngày làm việc cuối cùng của tôi: _____	\$ _____
7.	☐	☐	Tôi nhận được trợ cấp/thu nhập từ Cục Cựu chiến binh, Đạo luật GI, Lực lượng Vệ binh Quốc gia/Quân đội.	\$ _____
8.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán An sinh Xã hội, Thu nhập An sinh Xã hội Bổ sung (SSI) hoặc Bảo hiểm Khuyết tật An sinh Xã hội (SSDI).	\$ _____
9.	☐	☐	Hộ gia đình nhận được thu nhập <u>phi tiền lương</u> từ các thành viên gia đình từ 17 tuổi trở xuống (ví dụ: An sinh Xã hội, giải ngân Quỹ tín thác, v.v.).	\$ _____
10.	☐	☐	Tôi nhận được trợ cấp Khuyết tật hoặc trợ cấp tử vong ngoài An sinh Xã hội.	\$ _____
11.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán định kỳ từ tiền trúng số.	\$ _____
12.	☐	☐	Tôi nhận được Thu nhập Hỗ trợ Tổng quát (ví dụ: TANF). KHÔNG LIỆT KÊ PHIẾU THỰC PHẨM	\$ _____
13.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán trợ cấp nuôi con qua lệnh của tòa án hoặc thỏa thuận khác. Nếu có, quý vị nhận được trợ cấp từ bao nhiêu người? ____	(số tiền nhận được) \$ _____
14.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán tiền cấp dưỡng sau ly hôn/tiền chu cấp cho vợ/chồng.	(số tiền nhận được) \$ _____
15.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán định kỳ từ các quỹ tín thác, tiền trợ cấp hưu trí, thừa kế, quỹ hưu trí hoặc lương hưu, hợp đồng bảo hiểm hoặc các khoản thanh toán hoặc giải ngân tương tự khác. Nếu có, hãy liệt kê các nguồn: \$ _____ \$ _____	\$ _____ \$ _____
16.	☐	☐	Tôi nhận được thu nhập từ bất động sản hoặc tài sản cá nhân.	\$ _____ (Sử dụng thu nhập <u>ròng</u> kiếm được từ công việc)
17.	☐	☐	Tôi nhận được hỗ trợ tài chính cho sinh viên (Trợ cấp Pell của Liên bang, Trợ cấp Teach, Khoản vay Perkins của Liên bang hoặc các khoản trợ cấp khác, học bổng, v.v.).	\$ _____ (số tiền nhận được)
18.	☐	☐	Tôi đang khai báo là không có thu nhập và cần điền vào biểu mẫu Chứng nhận Tình trạng Thu nhập riêng.	

ASSET INFORMATION

Include all asset sources, including assets of minors.

	YES	NO		INTEREST RATE	CASH VALUE
19.	☐	☐	I have a checking account(s). # of accounts held: _____ If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	CURRENT BALANCE \$ _____ \$ _____ \$ _____
20.	☐	☐	I have a savings account(s). # of accounts held: _____ If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	CURRENT BALANCE \$ _____ \$ _____ \$ _____
21.	☐	☐	I have a digital wallet service(s). (e.g., Apple Pay/Apple Cash, Cash App, PayPal, Venmo, etc.) # of accounts held: _____ If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	CURRENT BALANCE \$ _____ \$ _____ \$ _____
22.	☐	☐	I have a pay card for direct deposit of benefits or prepaid debit card(s). # of cards held: _____ If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____		CURRENT BALANCE \$ _____ \$ _____ \$ _____
23.	☐	☐	I have a revocable trust(s). If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	\$ _____ \$ _____ \$ _____
24.	☐	☐	I own stocks, bonds, or Treasury Bills. If yes, list sources/bank names 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	\$ _____ \$ _____ \$ _____
25.	☐	☐	I hold cryptocurrency/digital currency (e.g., Bitcoin, Dogecoin, Ethereum, etc.). If yes, list bank(s) 1) _____ 2) _____ 3) _____		\$ _____ \$ _____ \$ _____
26.	☐	☐	I have cash on hand.		\$ _____

THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN

Nếu tất cả các nguồn tài sản, bao gồm cả tài sản của trẻ vị thành niên.

	CÓ	KHÔNG		LÃI SUẤT	GIÁ TRỊ TIỀN MẶT
19.	☐	☐	Tôi có một hoặc nhiều tài khoản thanh toán. Số lượng tài khoản hiện có: Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	SỐ DƯ HIỆN TẠI \$ _____ \$ _____ \$ _____
20.	☐	☐	Tôi có một hoặc nhiều tài khoản tiết kiệm. Số lượng tài khoản hiện có: Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	SỐ DƯ HIỆN TẠI \$ _____ \$ _____ \$ _____
21.	☐	☐	Tôi có một hoặc nhiều dịch vụ ví điện tử. (ví dụ: Apple Pay/Apple Cash, Cash App, PayPal, Venmo, v.v.) Số lượng tài khoản hiện có: Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	SỐ DƯ HIỆN TẠI \$ _____ \$ _____ \$ _____
22.	☐	☐	Tôi có thẻ lương để gửi tiền trợ cấp trực tiếp hoặc thẻ ghi nợ trả trước. Số lượng thẻ hiện có: ____ Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____		SỐ DƯ HIỆN TẠI \$ _____ \$ _____ \$ _____
23.	☐	☐	Tôi có một hoặc nhiều quỹ tín thác có thể hủy ngang. Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	\$ _____ \$ _____ \$ _____
24.	☐	☐	Tôi sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc Tín phiếu Kho bạc. Nếu có, hãy liệt kê các nguồn/tên ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____% _____% _____%	\$ _____ \$ _____ \$ _____
25.	☐	☐	Tôi đang sở hữu tiền điện tử/tiền số (ví dụ: Bitcoin, Dogecoin, Ethereum, v.v.). Nếu có, hãy liệt kê (các) ngân hàng 1) _____ 2) _____ 3) _____		\$ _____ \$ _____ \$ _____
26.	☐	☐	Tôi có sẵn tiền mặt.		\$ _____

	YES	NO		INTEREST RATE	CASH VALUE
27.	☐	☐	I have Certificates of Deposit (CD) or Money Market account(s). # of accounts held: _____ If yes, list sources/bank names 1) _____ 2) _____ 3) _____	_____ % _____ % _____ %	\$ _____ \$ _____ \$ _____
28.	☐	☐	I have a Life Insurance Policy (exclude Term Life) having a cash value. If yes, how many? _____ If yes, name of insurance company(ies). _____		\$ _____
29.	☐	☐	I have received lottery winnings or other lump sum payments paid in one payment (not recurring periodic payments).		\$ _____
30.	☐	☐	I receive payments through a crowdfunding platform (e.g., GoFundMe).		\$ _____
31.	☐	☐	I have disposed of assets (i.e., gave away money/assets) for less than fair market value in the past two years. If yes, list items and date disposed: 1) _____ 2) _____ 3) _____		\$ _____ \$ _____ \$ _____
32.	☐	☐	I have a safe deposit box at a financial institution. Name of Institution: _____ Contents: _____ _____ _____		\$ _____
33.	☐	☐	I own real estate. If yes, provide description: _____ I intend to: ☐ Keep ☐ Sell ☐ Rent ☐ Give Away ☐ Foreclosure		\$ _____

	CÓ	KHÔNG		LÃI SUẤT	GIÁ TRỊ TIỀN MẶT
27.	☐	☐	Tôi có Chứng chỉ tiền gửi (CD) hoặc tài khoản thị trường tiền tệ. Số lượng tài khoản hiện có: Nếu có, hãy liệt kê các nguồn/tên ngân hàng 1) _____ % 2) _____ % 3) _____ %	_____ % _____ % _____ %	\$ _____ \$ _____ \$ _____
28.	☐	☐	Tôi có Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm Bảo hiểm tử kỳ) có giá trị tiền mặt. Nếu có, quý vị có bao nhiêu hợp đồng? _____ Nếu có, tên của (các) công ty bảo hiểm. _____		\$ _____
29.	☐	☐	Tôi đã nhận được tiền trúng số hoặc các khoản thanh toán trọn gói khác được thanh toán trong một lần (không phải các khoản thanh toán định kỳ).		\$ _____
30.	☐	☐	Tôi nhận được các khoản thanh toán qua nền tảng gây quỹ cộng đồng (ví dụ: GoFundMe).		\$ _____
31.	☐	☐	Tôi đã thanh lý tài sản (tức là đã cho đi tiền/tài sản) với giá thấp hơn giá trị thị trường hợp lý trong hai năm qua. Nếu có, hãy liệt kê các mục hàng và ngày thanh lý: 1) _____ 2) _____ 3) _____		\$ _____ \$ _____ \$ _____
32.	☐	☐	Tôi có một hộp ký gửi an toàn tại một tổ chức tài chính. Tên tổ chức: _____ Hàng bên trong: _____ _____ _____		\$ _____
33.	☐	☐	Tôi sở hữu bất động sản. Nếu có, hãy mô tả: _____ Tôi dự định: ☐ Giữ ☐ Bán ☐ Cho thuê ☐ Cho đi ☐ Tịch thu tài sản		\$ _____

	YES	NO		CASH VALUE
34.	☐	☐	I received a federal tax refund or refundable tax credit in the past 12 months.	\$ _____ Amount Received
35.	☐	☐	I have other non-necessary personal property, including but not limited to, recreational vehicles or boats not needed for day-to-day transportation, expensive jewelry without religious or cultural value or which does not hold family significance, collectibles such as coins or stamps, equipment or machinery that is not used to generate income for a business, or items such as gems/precious metals, antiques, artwork etc. Do not include necessary personal property such as, but not necessarily limited to, vehicles relied on for transportation, furniture, carpets, linens, kitchenware, common appliances, common electronics, clothing, personal effects that are not luxury items such as toys or books, wedding and engagement rings, jewelry used in religious/cultural ceremonies, medical equipment and supplies, health care-related supplies, musical instruments used by the family, personal computers or tablets, phones, professional tools of trade, educational materials, equipment to accommodate persons with disabilities, or exercise equipment If yes, list type below: 1) _____ 2) _____ 3) _____	\$ _____ \$ _____ \$ _____
36.	I am a Student:		☐ Part-Time ☐ Full-Time	

UNDER PENALTIES OF PERJURY, I CERTIFY THAT THE INFORMATION PRESENTED ON THIS FORM IS TRUE AND ACCURATE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE. THE UNDERSIGNED FURTHER UNDERSTANDS THAT PROVIDING FALSE REPRESENTATIONS HEREIN CONSTITUTES AN ACT OF FRAUD. FALSE, MISLEADING, OR INCOMPLETE INFORMATION WILL RESULT IN THE DENIAL OF APPLICATION OR TERMINATION OF THE LEASE AGREEMENT.

Printed Name of Applicant/Tenant

Signature of Applicant/Tenant

Date

	CÓ	KHÔNG					LÃI SUẤT
34.	☐	☐	Tôi đã nhận được khoản hoàn thuế liên bang hoặc tín dụng thuế hoàn lại trong 12 tháng qua.				\$ _____ Số tiền nhận được
35.	☐	☐	Tôi có tài sản cá nhân không thiết yếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở xe cắm trại hoặc thuyền không cần thiết cho việc đi lại hàng ngày, đồ trang sức đắt tiền không có giá trị tôn giáo hoặc văn hóa hoặc không có ý nghĩa gia đình, đồ sưu tầm như tiền xu hoặc tem, thiết bị hoặc máy móc không được sử dụng để tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp hoặc các mặt hàng như đá quý/kim loại quý, đồ cổ, tác phẩm nghệ thuật, v.v. Không gồm tài sản cá nhân thiết yếu như, nhưng không nhất thiết giới hạn ở, phương tiện đi lại, đồ nội thất, thảm, khăn trải giường, đồ dùng nhà bếp, thiết bị gia dụng thông thường, đồ điện tử thông thường, quần áo, đồ dùng cá nhân không phải là hàng xa xỉ như đồ chơi hoặc sách, nhẫn cưới và nhẫn đính hôn, đồ trang sức dùng trong các nghi lễ tôn giáo/văn hóa, thiết bị và vật tư y tế, đồ dùng chăm sóc sức khỏe, nhạc cụ mà gia đình hay sử dụng, máy tính cá nhân hoặc máy tính bảng, điện thoại, dụng cụ chuyên nghiệp cho nghề nghiệp, tài liệu giáo dục, thiết bị hỗ trợ người khuyết tật hoặc thiết bị tập thể dục Nếu có, hãy liệt kê loại bên dưới: 1) _____ 2) _____ 3) _____				\$ _____ \$ _____ \$ _____
36.	Tôi là Học sinh/Sinh viên:		☐ Bán thời gian	☐ Toàn thời gian			

DƯỚI TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ VỀ TỘI KHAI MAN, TÔI XÁC NHẬN RẰNG THÔNG TIN ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRÊN MẪU NÀY LÀ ĐÚNG VÀ CHÍNH XÁC THEO HIỂU BIẾT TỐT NHẤT. NGƯỜI KÝ TÊN BÊN DƯỚI HIỂU RÕ RẰNG VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN KHÔNG CHÍNH XÁC Ở ĐÂY CẤU THÀNH HÀNH VI GIAN LẬN. HẬU QUẢ CỦA VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN SAI LỆCH, GÂY HIỂU LẦM HOẶC KHÔNG ĐẦY ĐỦ LÀ TỪ CHỐI ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẶC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THUẾ.

 Tên viết hoa của Người nộp đơn/Người thuê nhà

 Chữ ký của Người nộp đơn/Người

 Thuê nhà Ngày

Vui lòng gửi email đến Language.Access@HCS.oregon.gov nếu quý vị có góp ý hoặc đề xuất cải thiện bản dịch này

